

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HS-ST

Ngày: 18-01-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi

2. Ông Lê Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết.

- N diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 163/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2021/HSST-QĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

**Trần QUỐC A**, sinh năm 1960 tại Quảng Bình; Hộ khẩu thường trú: thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Quảng Bình; Tạm trú: thôn 5, xã E, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 10/10; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; Quốc tịch Việt Nam; con ông Trần F(đã chết) và bà Nguyễn Thị G (đã chết); có vợ Phan Thị H, sinh năm: 1964, nghề nghiệp chăn nuôi; con có 03 người lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 28/10/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xử phạt 18 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo bản án số 159/2008/HSST. Đã được xóa án tích.

- Ngày 11/5/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 17/2012/HSST. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bị hại:**

- Ông Nguyễn Văn F, sinh năm: 1965 (có mặt)

Trú tại: thôn H, xã I, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

- Ông Đặng Văn G, sinh năm 1976 (có mặt)

Trú tại: thôn Thiện Trung, xã I, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

- Bà Võ Thị Minh J, sinh năm 1968 (có mặt)

Trú tại: khu phố 1, phường K, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Trú tại: khu phố 3, phường M, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 02/2020, Trần QUỐC A lên mạng xã hội Zalo thì quen biết với đối tượng N (không rõ nhân thân), trong quá trình nói chuyện biết N có khả năng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ), nên A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của các bị hại có nhu cầu xin cấp GCNQSDĐ bằng thủ đoạn giới thiệu mình có quen biết rộng và quen biết những người làm chức vụ lớn ở Hà Nội có thể nhờ làm thủ tục cấp được GCNQSDĐ, từ đó tạo niềm tin để các bị hại nhờ A làm GCNQSDĐ và A sẽ yêu cầu các bị hại đưa cho A một khoản tiền chi phí cấp GCNQSDĐ, nhưng thực chất khi nhận được tiền A sẽ liên hệ với N làm GCNQSDĐ giả và đưa cho các bị hại, từ đó chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Khoảng tháng 3/2020 A đến nhà bạn là ông Nguyễn Văn O (trú tại: thôn P, xã I, thành phố Phan Thiết) chơi. Quá trình nói chuyện với ông O, A có giới thiệu là mình có quen một số người làm lớn ở Hà nội có thể nhờ làm được GCNQSDĐ, nếu ai có nhu cầu thì nhờ ông O giới thiệu để A làm giúp.

Do trước đó, bà Võ Thị Minh J (trú tại: khu phố 1, phường K, thành phố Phan Thiết) có mua thửa đất số 14, tờ bản đồ số 76, diện tích 10148m<sup>2</sup>, loại đất rừng sản xuất, địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã I, thành phố Phan Thiết của ông Nguyễn Văn Sáu (trú tại: thôn H, xã I, TP Phan Thiết). Vào tháng 01/2019, bà J đã làm hợp đồng chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn F (trú tại: thôn H, xã I, thành phố Phan Thiết), ông Nguyễn Hữu L (trú tại: khu phố 3, phường M, thành phố Phan Thiết, con trai ông F) và ông Đặng Văn G (trú tại: Thôn Thiện Trung, xã I, thành phố Phan Thiết) mỗi người một phần diện tích đất trong thửa đất của bà J. Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ bà J thì những người trên cũng như bà J đã nộp hồ sơ làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đất sang tên cho chủ mới phần diện tích đất đã chuyển nhượng nhưng chưa được cơ quan chức năng chấp thuận.

Sau khi nghe giới thiệu Trần QUỐC A có thể dựa vào nhiều mối quan hệ để làm thủ tục xin cấp được GCNQSDĐ thì bà Võ Thị Minh J, ông Đặng Văn G, ông Nguyễn Văn F và ông Nguyễn Hữu L thống nhất nhờ A làm dứt thủ tục để cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ và đã liên hệ với A thông qua sự giới thiệu của ông O. Lúc này, A nhận làm thủ tục và ra giá mỗi GCNQSDĐ là 30.000.000 đồng nên bà J, ông F, ông G, ông L đã đồng ý nhờ A làm giúp thủ tục cấp 05 GCNQSDĐ với tổng số tiền là 150.000.000 đồng/ 05 GCNQSDĐ. Sau khi thỏa thuận với các bị hại, A liên hệ với N để làm GCNQSDĐ giả và thỏa thuận làm một GCNQSDĐ giả là 8.000.000 đồng

Bà Võ Thị Minh J đồng ý ứng trước và đưa cho ông Nguyễn Văn F 60.000.000 đồng, ông Đặng Văn G đồng ý đưa trước 20.000.000 đồng để ông F và ông G đưa cho A làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ, khi nào A làm xong thủ tục cấp các GCNQSDĐ sẽ tính toán số tiền mỗi người phải đóng góp, ông F và ông G sẽ đứng ra làm việc với A. Ngày 14/3/2020 A hẹn gặp bà Võ Thị Minh J, ông Nguyễn Văn F, ông Đặng Văn G và ông Nguyễn Hữu L tại xã I để nhận tiền cọc và giấy tờ liên quan đến các thửa đất xin cấp GCNQSDĐ. Tại đây, Trần QUỐC A đã nhận tiền của các bị hại là 80.000.000 đồng và có viết giấy giao nhận tiền.

Vào ngày 23/6/2020 lúc này A đang về quê tại Quảng Bình thì N liên hệ gửi GCNQSDĐ giả qua bưu điện cho A. Sau khi nhận GCNQSDĐ giả từ nhân viên bưu điện và thanh toán 8.000.000 đồng, A kiểm tra GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Văn F, rồi A chụp ảnh hai mặt GCNQSDĐ giả gửi qua Zalo cho ông G, ông G gửi cho ông F xem. Sáng ngày 27/6/2020 lúc này A đã vào lại tỉnh Bình Thuận và hẹn gặp ông G và ông F tại quán cà phê Lâm Kiều thuộc phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết để cho ông G và ông F xem GCNQSDĐ trực tiếp. Tại quán cà phê Lâm Kiều, A đã đưa GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Văn F (sinh năm 1965, cấp ngày 30/02/2020) cho ông F và ông G xem trực tiếp. Khi xem GCNQSDĐ thì ông F và ông G phát hiện người ký cấp GCNQSDĐ là ông Trần Hoàng Khôi – Phó chủ tịch UBND thành phố Phan Thiết. Tuy nhiên ông Khôi đã không còn giữ chức vụ Phó chủ tịch UBND thành phố Phan Thiết từ ngày 12/9/2019 do đã bị Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Thuận khởi tố bị can, bắt tạm giam về sai phạm trước đó. Phát hiện bất thường này ông F và ông G đã hỏi A thì A nói để hỏi lại người làm GCNQSDĐ và điều chỉnh lại thông tin cho phù hợp. Lúc này, ông F và ông G nghi ngờ A làm GCNQSDĐ giả để chiếm đoạt tiền của mình. Sau đó, ông F đã gửi hình ảnh GCNQSDĐ qua Zalo cho anh Nguyễn Thanh Hồng (tên gọi khác là Đoan; chỗ ở tại thôn H, xã I, thành phố Phan Thiết, là cháu ông F) xem sổ thật hay giả. Sau khi về nhà A liên hệ với N qua Zalo nói điều bất hợp lý mà ông F và ông G phát hiện về việc ông Khôi ký cấp GCNQSDĐ thì N nói để N sửa lại.

Ngày 29/6/2020, N liên hệ lại với A là đã sửa lại GCNQSDĐ và nhân viên giao hàng sẽ gọi điện cho A nhận hàng. Ngày 01/07/2020 khi A hẹn ông G và ông F uống cà phê tại quán cà phê Lâm Kiều (đường Tôn Đức Thắng, phường Phú Thủy) để giao GCNQSDĐ. Khi ông G và ông F tới đây thì A nói ngồi đợi để A đi lấy GCNQSDĐ. Sau đó nhân viên giao hàng gọi điện thoại cho A đi qua số 54

đường Thủ Khoa Huân để nhận hàng, khi tới nơi Trần QUỐC A được nhân viên thông báo A có 02 gói hàng, 01 gói phải thanh toán 25.000 đồng và 01 gói thanh toán 16.000.000 đồng, do không có đủ tiền nên A lấy gói hàng 25.000 đồng trước (bên trong có 01 GCNQSDĐ giả), rồi quay lại quán cà phê Lâm Kiều đưa cho ông G và ông F xem. Sau đó A yêu cầu ông G và ông F đưa tiếp 30.000.000 đồng để đi lấy GCNQSDĐ và giao cho hai ông thì ông G và ông F viện cớ không đưa đủ tiền nên ông F chỉ đưa cho A 10.000.000 đồng. Do nghi ngờ đây là sổ giả nên trước khi ông F và ông G đến gặp A thì cùng lúc này anh Hồng cầm theo hình ảnh sổ đất A gửi qua Zalo đến Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận hỏi thì được biết qua hình ảnh A gửi là GCNQSDĐ giả nên đã báo qua điện thoại cho ông F và ông G biết là GCNQSDĐ giả. Sau khi biết sự việc trên ông Nguyễn Văn F đã báo cho Công an phường Phú Thủy – thành phố Phan Thiết đến đưa A về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan công an A đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khai nhận tại địa chỉ giao hàng số 54 Thủ Khoa Huân, phường Phú Thủy còn có 02 GCNQSDĐ giả nữa. Công an phường Phú Thủy đã đưa A tới đây thu giữ, tổng cộng thu giữ 04 GCNQSDĐ đều do ông Trần Hoàng Khôi – Phó Chủ tịch UBND thành phố Phan Thiết ký.

Vật chứng thu giữ từ Trần QUỐC A:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CI 366352, tên Nguyễn Văn F (có ghi ngày cấp 30/02/2020).

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CI 366352, tên Nguyễn Văn F (không ghi ngày tháng năm cấp).

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CI 366353, tên Võ Thị Minh J (không ghi ngày tháng năm cấp).

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CI 366309, tên Đặng Văn G (không ghi ngày tháng năm cấp).

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Thị Minh J (bà J đưa cho A để làm thủ tục tách thửa cấp GCNQSDĐ mới).

- 01 xe mô tô hiệu Honda Visson, biển số 86B3 – 521.06, số máy: JF66E0148143, số khung 5818GY148115.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S, Số Imei: 864212034912895.

- Số tiền 10.000.000 đồng A nhận từ ông F (Các bút lục 101, 102, 104)

Tại bản kết luận giám định số 781/KLGD-PC09 ngày 30/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) - Công an tỉnh Bình Thuận kết luận:

*04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri lần lượt là CI 366352, mang tên Nguyễn Văn F (có ghi ngày cấp 30/02/2020); CI 366352, mang tên Nguyễn Văn F (không ghi ngày tháng năm cấp); CI 366353, mang tên Võ Thị Minh J (không ghi ngày tháng năm cấp) và CI 366309, mang tên Đặng Văn G (không ghi ngày tháng năm cấp) thu giữ từ Trần QUỐC A là “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả” (Bút lục 175).*

Tại bản kết luận giám định số 1157/KLGD-PC09 ngày 30/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) - Công an tỉnh Bình Thuận kết luận:

*Chữ ký mang tên Trần QUỐC A trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (giấy nhận tiền ngày 14/03/2020) so với chữ ký đứng tên Trần QUỐC A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M12 là do cùng một người ký (Bút lục 176).*

Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 86B3 – 521.06 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Xanh (sinh năm 1974, trú tại thôn 5, xã E, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận). Ngày 01/7/2020 A mượn xe bà Xanh đi công việc sau đó thực hiện hành vi phạm tội bà Xanh không biết, nên Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Phan Thiết đã trả lại tài sản cho bà Xanh. Sau khi nhận lại tài sản bà Xanh không có yêu cầu gì về dân sự.

Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Phan Thiết cũng đã trả lại cho bà Võ Thị Minh J 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà J và trả lại cho ông Nguyễn Văn F số tiền 10.000.000 đồng thu giữ từ Trần QUỐC A.

Đối với 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả được lưu giữ cùng hồ sơ vụ án để làm căn cứ khi xét xử.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S, số Imei: 864212034912895 A dùng để liên hệ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết đã ra Quyết định chuyển đến vật chứng Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết O quản chờ xử lý tiếp theo.

Về dân sự: Bà Võ Thị Minh J yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt 60.000.000 đồng; ông Đặng Văn G yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt 20.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 143/CT-VKSPT-HS ngày 26/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết đã truy tố bị cáo Trần QUỐC A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên N diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần QUỐC A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A mức án tù 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù đối với tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 05 năm tù đến 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Trần QUỐC A đồng ý trả lại cho bị hại Võ Thị Minh J số tiền 60.000.000 đồng và đồng ý trả lại cho bị hại Đặng Văn G số tiền 20.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng của vụ án:

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước điện thoại di động hiệu OPPO F1S, Số Imei: 864212034912895 mà A dùng để liên hệ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết về tội danh, về hình phạt bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình là sai, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời khai phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập theo quy định của pháp luật có tại hồ sơ đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng đầu tháng 02/2020, Trần QUỐC A biết đối tượng N (không rõ nhân thân) có khả năng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của các bị hại có nhu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bằng thủ đoạn giới thiệu mình có quen biết nhiều người có thể nhờ làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bị hại tin tưởng và nhờ A làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. A yêu cầu các bị hại đưa cho A một khoản tiền chi phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực chất khi nhận được tiền A liên hệ với N làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và đưa cho các bị hại, từ đó chiếm đoạt tài sản của các bị hại.

Cụ thể vào ngày 14/3/2020 tại xã I, thành phố Phan Thiết bà Võ Thị Minh J, ông Nguyễn Văn F, ông Đặng Văn G và ông Nguyễn Hữu L đã làm giấy nhận tiền cọc, đồng thời đưa cho A 80.000.000 đồng (trong đó ông F 60.000.000 đồng và ông G 20.000.000 đồng) chi phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. A liên hệ với N và thỏa thuận làm mỗi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả là 8.000.000 đồng.

Ngày 23/6/2020 A chụp hình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Nguyễn Văn F cấp ngày 30/02/2020 gửi qua mạng xã hội Zalo cho ông F và

ông G xem. Ngày 27/6/2020 A hẹn gặp ông F và ông G tại quán cà phê Lâm Kiều, phường Phú Thủy và tiếp tục đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn F cấp ngày 30/02/2020 cho ông F và ông G xem trực tiếp. Ông F và ông G phát hiện người ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Trần Hoàng Khôi - Phó chủ tịch UBND thành phố Phan Thiết. Tuy nhiên, ông Khôi không còn giữ chức vụ Phó chủ tịch UBND thành phố Phan Thiết từ ngày 12/9/2019 đã bị Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Thuận khởi tố bị can, bắt tạm giam nên A nói sẽ hỏi lại người A nhờ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và điều chỉnh lại.

Sáng ngày 01/7/2020 A tiếp tục hẹn gặp ông G và ông F đến quán cà phê Lâm Kiều, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết để đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã điều chỉnh. Tại đây, A đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đã sửa cho ông F và ông G, đồng thời yêu cầu ông G và ông F đưa thêm 30.000.000 đồng, tuy nhiên ông F chỉ đưa cho A 10.000.000 đồng. Do nghi ngờ đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên trước khi đi gặp A, ông F đã nhờ anh Nguyễn Thanh Hồng đến Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận hỏi thì được biết qua hình ảnh A gửi là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên anh Hồng đã gọi điện thoại báo cho ông F và ông G biết. Ông F và ông G đã báo công an phường Phú Thủy đến đưa A về làm việc. Tại cơ quan công an A thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tính đến thời điểm hành vi phạm tội bị phát hiện Trần QUỐC A đã chiếm đoạt của các bị hại 90.000.000 đồng và 03 lần đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho các bị hại (gồm 02 lần đưa trực tiếp và 01 lần gửi hình ảnh qua Zalo).

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần QUỐC A đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” thuộc trường hợp “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn trong cáo trạng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan, tổ chức, xâm phạm các lợi ích của nhà nước, các tổ chức và của công dân, tác động xấu đến trật tự trị an và an toàn cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm G, cách ly khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[4] Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 28/10/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xử phạt 18 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” và ngày 11/5/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Trần QUỐC A đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ và đề nghị mức hình phạt cho bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bà Võ Thị Minh J khai, số tiền 60.000.000 đồng ông Nguyễn Văn F đưa cho ông Trần QUỐC A là tiền của bà đưa cho ông F để ông F đưa cho ông A. Nay bà yêu cầu ông A phải trả lại cho bà số tiền này. Ông Nguyễn Văn F thừa nhận số tiền này là tiền của bà J, ông cũng yêu cầu ông A phải trả lại cho bà J số tiền này. Ông A đồng ý trả lại cho bà J số tiền 60.000.000 đồng ông đã chiếm đoạt.

Ông Đặng Văn G yêu cầu ông A phải trả lại số tiền 20.000.000 đồng, ông A đồng ý trả lại cho ông G số tiền này.

Xét sự thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Trần QUỐC A với bị hại Võ Thị Minh J và Đặng Văn G như sau: Bị cáo Trần QUỐC A đồng ý trả lại cho bà Võ Thị Minh J số tiền 60.000.000 đồng và trả lại cho ông Đặng Văn G số tiền 20.000.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 86B3 – 521.06 thuộc sở hữu của Nguyễn Thị Xanh (trú tại thôn 5, xã E, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận). Ngày 01/7/2020 A mượn xe bà Xanh đi công việc sau đó thực hiện hành vi phạm tội bà Xanh không biết, nên Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Phan Thiết đã trả lại tài sản cho bà Xanh là đúng pháp luật. Sau khi nhận lại tài sản bà Xanh không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Phan Thiết đã trả lại cho bà Võ Thị Minh J một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà J và trả lại cho ông Nguyễn Văn F số tiền 10.000.000 đồng thu giữ từ Trần QUỐC A là đúng pháp luật.



Đối với một điện thoại di động hiệu OPPO F1S, số Imei 864212034912895 A dùng để liên hệ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, nên tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Văn O khi giới thiệu cho ông G và ông F, Trần QUỐC A có thể nhờ làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không biết A làm sô giả và cũng không hưởng lợi từ việc này nên Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phan Thiết không xử lý hình sự về vai trò đồng phạm là có căn cứ.

Đối với đối tượng tên N (không rõ nhân thân) A khai đã đặt mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả từ người này, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phan Thiết tiếp tục làm rõ nhân thân và xử lý sau.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

\* **Căn cứ** vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự.

\* **Tuyên bố:** Bị cáo Trần QUỐC A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

\* **Xử phạt:** Trần QUỐC A **03**(ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và **02** (hai) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **05** (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

\* **Biện pháp tư pháp:** Căn cứ vào Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 48 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, tuyên:

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Trần QUỐC A với bị hại Võ Thị Minh J là: Bị cáo Trần QUỐC A đồng ý trả lại cho bị hại Võ Thị Minh J số tiền đã chiếm đoạt 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Trần QUỐC A với bị hại Đặng Văn G là: Bị cáo Trần QUỐC A đồng ý trả lại cho bị hại Đặng Văn G số tiền đã chiếm đoạt 20.000.000 đồng(*Hai mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

**\*Xử lý vật chứng:** Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01(một) điện thoại di động hiệu OPPO F1S, số Imei 864212034912895 (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 12 ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết).

**\* Về án phí:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần QUỐC A phải nộp 200.000 đồng(*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 4.000.000 đồng(*Bốn triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

**\* Quyền kháng cáo:** Bị cáo, các bị hại Nguyễn Văn F, Đặng Văn G và Võ Thị Minh J được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Nguyễn Hữu L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND TP Phan Thiết;
- Cơ quan điều tra Phan Thiết;
- Cơ quan THAHS Phan Thiết;
- Cơ quan THADS Phan Thiết;
- UBND C/E;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Phong Lan**